

**Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hà Nội
(HABUBANK)**

ĐIỀU LỆ

(Văn kiện được Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ 18
ngày 14/3/2009 thông qua)

2009

MUC LUC

MỤC LỤC	1
PHẦN MỞ ĐẦU	5
MỤC I. - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
MỤC II. - TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA HABUBANK	7
Điều 2. Tên, Địa chỉ và Thời hạn hoạt động của <i>Habubank</i>	7
MỤC III. - MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HABUBANK	8
Điều 3. <i>Lĩnh vực kinh doanh</i> , mục tiêu của <i>Habubank</i>	8
Điều 4. Huy động vốn.....	8
Điều 5. Hoạt động tín dụng	9
Điều 6. Các hình thức cho vay	9
Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý.....	9
Điều 8. Bảo lãnh	9
Điều 9. Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá.....	9
Điều 10. <i>Hoạt động cho thuê tài chính</i>	10
Điều 11. Tài khoản tiền gửi của <i>Habubank</i>	10
Điều 12. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.....	10
Điều 13. Các hoạt động khác.....	10
Điều 14. <i>Kinh doanh Bất động sản</i>	11
Điều 15. Tỷ lệ an toàn.....	11
MỤC IV. - VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	11
Điều 16. Vốn Điều Lệ	11
Điều 17. Thay đổi Vốn Điều Lệ.....	12
Điều 18. Vốn hoạt động của <i>Habubank</i>	12
MỤC V. - CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU	13
Điều 19. Cổ đông - <i>Cổ phần</i>	13
Điều 20. <i>Chào bán cổ phần</i>	14
Điều 21. <i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần</i>	14
Điều 22. Chuyển nhượng Cổ phần.....	14
Điều 23. <i>Mua lại cổ phần</i>	15
Điều 24. <i>Phát hành Trái Phiếu</i>	16
Điều 25. Cổ phiếu	17
Điều 26. Sổ đăng ký cổ đông.....	18

MỤC VI. - CÁC CƠ QUAN QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CỦA HABUBANK	18
Điều 27. Các cơ quan	18
MỤC VII. - QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19
Điều 28. Quyền hạn của Cổ đông.....	19
Điều 29. Nghĩa vụ của Cổ đông <i>phổ thông</i>	20
Điều 30. <i>Đại Hội đồng Cổ đông</i>	21
Điều 31. <i>Họp Đại Hội đồng Cổ đông</i>	21
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông.....	22
Điều 33. <i>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông</i>	23
Điều 34. Quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.....	23
Điều 35. Chương trình, nội dung họp và triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông	24
Điều 36. Các điều kiện tiến hành Đại Hội đồng Cổ đông, <i>thể thức họp và biểu quyết</i>	25
Điều 37. <i>Thông qua Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông</i>	27
Điều 38. <i>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông</i>	28
Điều 39. <i>Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông</i>	29
Điều 40. Hủy bỏ các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông	30
MỤC VIII. - ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....	30
Điều 41. Nhiệm vụ chung.....	30
Điều 42. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.....	31
Điều 43. Đương nhiên mất tư cách.....	31
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	32
Điều 45. Kiểm soát đặc biệt	32
Điều 46. <i>Công khai các lợi ích liên quan</i>	33
MỤC IX. - NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ HABUBANK	33
Điều 47. Nghĩa vụ thận trọng của người quản lý <i>Habubank</i>	33
Điều 48. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi	33
Điều 49. Trách nhiệm và Bồi thường	34
MỤC X. - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	35
Điều 50. Thành phần và Nhiệm kỳ của <i>Hội đồng Quản trị</i>	35
Điều 51. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị:	36
Điều 52. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị	38

Điều 53. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	39
Điều 54. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị.....	40
Điều 55. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	40
Điều 56. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	43
Điều 57. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị	43
Điều 58. Thư ký Hội đồng Quản trị.....	44
MỤC XI. - TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	44
Điều 59. Tổng Giám đốc	44
Điều 60. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	44
Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	45
Điều 62. Người Quản lý khác	47
Điều 63. Thù lao của Tổng giám đốc và người quản lý khác	47
MỤC XII. - BAN KIỂM SOÁT	47
Điều 64. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	47
Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	48
Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát.....	49
Điều 67. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát.....	50
Điều 68. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát	51
Điều 69. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	53
MỤC XIII. - QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA HABUBANK.....	54
Điều 70. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	54
MỤC XIV. - NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	54
Điều 71. Người lao động và Công đoàn.....	54
MỤC XV. - PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	54
Điều 72. Cổ tức.....	54
MỤC XVI. - HỆ THỐNG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN	55
Điều 73. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	55
Điều 74. Hệ thống kiểm toán nội bộ.....	55
Điều 75. Chế độ Tài chính	57
Điều 76. Sử dụng Vốn	57
Điều 77. Các Quỹ Dự trữ	57
Điều 78. Tự chủ về tài chính của Habubank.....	57
Điều 79. Kế toán và Thuế.....	58

MỤC XVII. - BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN,..	58
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	58
Điều 80. <i>Trình báo cáo hàng năm</i>	58
Điều 81. Báo cáo Tài chính.....	58
Điều 82. Công bố và Thông báo.....	59
MỤC XVIII. - KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG.....	59
Điều 83. Kiểm toán	59
MỤC XIX. - KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ ...	59
Điều 84. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt.....	59
Điều 85. Phá sản <i>Habubank</i>	60
Điều 86. Giải thể <i>Habubank</i>	60
Điều 87. Thanh lý <i>Habubank</i>	60
MỤC XX. - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	60
Điều 88. Giải quyết tranh chấp nội bộ	60
MỤC XXI. - THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	61
Điều 89. Thông tin định kỳ.....	61
Điều 90. Nghĩa vụ bảo mật.....	61
Điều 91. <i>Ngôn ngữ</i>	61
MỤC XXII. - NGÀY HIỆU LỰC.....	62
Điều 92. Ngày hiệu lực.....	62

Ghi chú:

- phần chữ in nghiêng trong Điều Lệ này là phần sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ 2002 của Habubank.

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Habubank") là ngân hàng thương mại cổ phần được *tổ chức, thành lập và thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Habubank được thực hiện theo Điều Lệ này và các quy định của pháp luật hiện hành.*

Điều Lệ này do Đại Hội đồng Cổ đông của Habubank quyết định thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Habubank thường niên lần thứ 18 tổ chức ngày 14 tháng 3 năm 2009.

MỤC I. - ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều Lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có qui định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a. "**Ban điều hành**" có nghĩa là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế Toán Trưởng của Habubank được *bổ nhiệm* theo qui định của Điều Lệ này thực hiện nhiệm vụ chức năng điều hành các hoạt động của Habubank.
 - b. "**Cổ đông**" có nghĩa là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Habubank.
 - c. "**Cổ đông lớn**" có nghĩa là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Habubank.
 - d. "**Cổ đông sáng lập**" có nghĩa là *cổ đông* tham gia vào việc thông qua Điều Lệ đầu tiên của Habubank.
 - đ. "**Cổ phần**" có nghĩa là Vốn Điều Lệ được chia thành các phần bằng nhau.
 - e. "**Cổ phiếu**" có nghĩa là chứng chỉ do Habubank phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Habubank.
 - g. "**Cổ tức**" có nghĩa là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Habubank sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
 - h. "**Luật Doanh Nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 hoặc luật khác sửa đổi, bổ sung thay thế Luật Doanh nghiệp.
 - i. "**Luật Các Tổ Chức Tín Dụng**" có nghĩa là Luật Các Tổ chức Tín dụng được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức Tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004 hoặc luật khác sửa đổi, bổ sung thay thế Luật Các Tổ chức Tín dụng.
 - k. "**Luật Chứng Khoán**" có nghĩa là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 hoặc luật khác sửa đổi, bổ sung thay thế Luật Chứng khoán.
 - l. "**Mệnh giá cổ phần**" có nghĩa là giá trị tính bằng VND của mỗi cổ phần. Mệnh giá hiện tại một cổ phần của Habubank là 10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam).

- m. **"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Habubank nếu thuộc một trong các quan hệ sau:
- i. Quan hệ giữa Habubank với công ty con, đơn vị trực thuộc của Habubank; giữa các công ty con, đơn vị trực thuộc của Habubank với nhau;
 - ii. Quan hệ giữa Habubank và/hoặc công ty con, đơn vị trực thuộc của Habubank với Người Quản Lý của Habubank, công ty con, đơn vị trực thuộc của Habubank hoặc với người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó;
 - iii. Quan hệ giữa Habubank với cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Habubank;
 - iv. Quan hệ giữa Habubank với người có quan hệ thân thuộc (vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột) của Người Quản lý hoặc cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Habubank;
 - v. Quan hệ hợp đồng trong đó một bên là đại diện ủy quyền cho bên kia; hoặc
 - vi. Quan hệ khác theo qui định của pháp luật.
- n. **"Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông"** là những người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ Đông của Habubank được quy định cụ thể tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 31 của Điều Lệ này.
- o. **"Người Quản lý"** là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban điều hành của Habubank; Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế Toán trưởng của công ty con, đơn vị trực thuộc của Habubank; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng chi nhánh, sở giao dịch; trưởng, phó phòng, ban, đơn vị trực thuộc hội sở chính và thuộc sở giao dịch, chi nhánh; trưởng văn phòng đại diện của Habubank.
- p. **"Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông"** là Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền này theo đúng qui định của Điều Lệ này.
- q. **"Pháp luật"** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Habubank.
- r. **"Sổ đăng ký cổ đông"** là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- s. **"Thời hạn hoạt động"** có nghĩa là thời gian Habubank được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật được quy định tại Khoản 6 Điều 2 Điều Lệ này. Habubank có thể được gia hạn Thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam chấp thuận.
- t. **"Vốn Điều Lệ"** là vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều Lệ này và trong đăng ký kinh doanh của Habubank.
- u. **"Vốn Pháp Định"** là vốn tối thiểu theo yêu cầu của luật pháp để thành lập và duy trì hoạt động của Habubank.
- v. **"Việt Nam"** có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- x. **"VND"** có nghĩa là Đồng, đơn vị tiền tệ chính thức của Việt Nam.

- Trong Điều Lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
- Các tiêu đề được sử dụng trong Điều Lệ này chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

MỤC II. - TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA HABUBANK

Điều 2. Tên, Địa chỉ và Thời hạn hoạt động của Habubank

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (*sau đây gọi tắt là "Habubank"*) được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 00020/NH-GP ngày 06 tháng 06 năm 1992 và các giấy phép bổ sung, điều chỉnh sau đó do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Habubank có:
 - Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - Tên của Habubank:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt là:	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nhà Hà Nội
Tên gọi tắt bằng tiếng Việt là:	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh là:	Hanoi Building Commercial Joint Stock Bank
Tên giao dịch là:	HABUBANK
Tên viết tắt bằng tiếng Anh là:	HBB;
 - Trụ sở chính đặt tại:

Tòa nhà B7, phố Trần Huy Liệu, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (04) 38460135 - (04) 38460136
Fax: (04) 38235693
Email: hbb@habubank.com.vn
Trang Web: www.habubank.com.vn;
 - Sở giao dịch, Chi nhánh, Phòng giao dịch, Công ty con, Công ty liên kết, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Habubank được mở theo yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của Habubank tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - Chi nhánh hay văn phòng đại diện mở ở nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp thuận.
- Habubank được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần. Cơ quan quyết định cao nhất của Habubank là Đại Hội đồng Cổ đông. Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị để quản trị Habubank, bầu Ban Kiểm soát để kiểm soát các hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động của Habubank. Người điều hành Habubank hàng ngày là Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị chọn và bổ nhiệm, được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.
- Vốn Điều Lệ của Habubank là 2.800.000.000VND (Hai nghìn tám trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Habubank có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Habubank có bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Thời hạn hoạt động của *Habubank* là chín mươi chín (99) năm kể từ ngày 06/06/1992 là ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của *Habubank* nêu tại khoản 1 Điều 2 này.

MỤC III. - MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HABUBANK

Điều 3. Lĩnh vực kinh doanh, mục tiêu của Habubank

1. Habubank hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:
 - a. Huy động vốn;
 - b. Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh, chiết khấu giấy tờ có giá và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - c. Các dịch vụ ngân hàng:
 - i. Kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngoại hối;
 - ii. Dịch vụ thanh toán, hỗ trợ thanh toán;
 - iii. Dịch vụ ngân quỹ;
 - iv. Các dịch vụ khác phù hợp quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu của *Habubank* là xây dựng *Habubank* phát triển trở thành:
 - a. Ngân hàng thương mại phát triển đa năng hiện đại;
 - b. Ngân hàng kinh doanh an toàn hiệu quả; và
 - c. Một trong những ngân hàng thương mại cổ phần tốt nhất của Việt Nam.
3. Mọi thay đổi trong lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu của *Habubank* phải phù hợp với quy định của pháp luật và chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

Điều 4. Huy động vốn

Habubank huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác;
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác bằng tiền đồng Việt Nam, vàng, hoặc ngoại tệ để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
3. Vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;
4. Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn;
5. Thực hiện các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 5. Hoạt động tín dụng

Habubank cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 6. Các hình thức cho vay

Habubank cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống;
2. Cho vay trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.

Điều 7. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. *Habubank* được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay và trong suốt quá trình cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
2. *Habubank* có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của bên cầm cố, thế chấp là người thứ ba để thu hồi nợ theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo đảm theo quy định của pháp luật.
3. *Habubank* được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 8. Bảo lãnh

1. *Habubank* bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế và các cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. *Habubank* được thực hiện bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác mà người nhận bảo lãnh là tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 9. Chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá

1. *Habubank* được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu giấy tờ có giá theo quy định pháp luật hiện hành.
2. *Habubank* được tái chiết khấu các giấy tờ có giá đối với các tổ chức tín dụng khác theo quy định pháp luật hiện hành.
3. *Habubank* có thể được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tái chiết khấu các giấy tờ có giá đã được chiết khấu theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 10. Hoạt động cho thuê tài chính

Habubank chỉ thực hiện hoạt động cho thuê tài chính thông qua công ty con, công ty liên kết của Habubank được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Tài khoản tiền gửi của Habubank

1. *Habubank mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố) nơi Habubank đặt trụ sở chính và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*
2. *Sở giao dịch, Chi nhánh của Habubank mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của sở giao dịch, chi nhánh của Habubank.*
3. *Habubank mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.*

Điều 12. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. *Habubank thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:*
 - a. *Cung ứng các phương tiện thanh toán;*
 - b. *Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng;*
 - c. *Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ;*
 - d. *Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*
 - đ. *Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép;*
 - e. *Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.*
2. *Habubank tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước, tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.*

Điều 13. Các hoạt động khác

Habubank được thực hiện các hoạt động khác sau đây:

1. *Dùng Vốn Điều Lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ của doanh nghiệp, quỹ tài chính và của các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật;*
2. *Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam;*
3. *Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

4. Đầu tư, mua bán các giấy tờ có giá, chứng khoán, sản phẩm kỳ hạn, tương lai, sản phẩm chọn mua, chọn bán, vàng và các sản phẩm tài chính, tín dụng khác ở trong nước và ở nước ngoài, theo qui định của pháp luật;
5. Cung ứng các dịch vụ liên quan đến các sản phẩm phái sinh bao gồm không hạn chế các sản phẩm phái sinh tín dụng, phái sinh vàng, sản phẩm phái sinh khác theo qui định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
6. Kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép;
7. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác và đại lý;
8. Cung ứng dịch vụ bảo hiểm; được thành lập công ty con, công ty liên kết hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
9. Cung ứng các dịch vụ:
 - a. Tư vấn tài chính và tiền tệ, mua bán và sáp nhập, tư vấn phát hành, bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, đại lý phân phối, đại lý thanh toán, quản lý giao dịch trực tiếp cho khách hàng hoặc qua các công ty con, công ty liên kết được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - b. Môi giới tiền tệ theo qui định của pháp luật khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép;
 - c. Bảo quản hiện vật quý và các giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, nhận cầm cố và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
10. Thành lập các công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan tới hoạt động ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, chứng khoán, tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kinh doanh Bất động sản

Habubank không trực tiếp kinh doanh bất động sản theo qui định của pháp luật.

Điều 15. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, *Habubank* phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định của Luật Các Tổ chức Tín dụng và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC IV. - VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 16. Vốn Điều Lệ

1. Vốn Điều Lệ của *Habubank* được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
2. *Habubank* phải đảm bảo mức Vốn Điều Lệ thực có không thấp hơn mức Vốn Pháp Định theo quy định của pháp luật.

3. *Habubank chỉ được sử dụng Vốn Điều Lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn theo đúng qui định của pháp luật, không vi phạm các hạn chế do pháp luật qui định.*
4. Vốn Điều Lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của *Habubank*;
 - b. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - c. Thành lập công ty con, công ty liên kết được phép;
 - d. Cấp tín dụng; và
 - đ. Kinh doanh các dịch vụ*theo đúng quy định của pháp luật.*

Điều 17. Thay đổi Vốn Điều Lệ

1. Việc thay đổi Vốn Điều Lệ của *Habubank* (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi Vốn Điều Lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
2. *Habubank thực hiện việc thay đổi và đăng ký Vốn Điều Lệ mới theo trình tự, thủ tục, hồ sơ theo đúng qui định của pháp luật, văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, và gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số Vốn Điều Lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan công chứng) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước liên quan khác, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số Vốn Điều Lệ mới.*
3. Hội đồng Quản trị *Habubank* phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ của *Habubank*.

Điều 18. Vốn hoạt động của Habubank

Vốn hoạt động của Habubank gồm:

1. Vốn Điều Lệ của *Habubank*;
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỉ giá;
3. Các quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo qui định của pháp luật;
4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Điều Lệ này;
5. Lợi nhuận để lại;
6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao;
7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

MỤC V. - CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU

Điều 19. Cổ đông - Cổ phần

1. Các loại cổ phần, cổ đông:
 - a. Hiện tại *Habubank* chỉ có loại cổ phần phổ thông. Các cổ đông của *Habubank* là cổ đông phổ thông.
 - b. Khi cần thiết để đáp ứng nhu cầu hoạt động phát triển, *Habubank* có thể phát hành các loại cổ phần khác phù hợp với quy định của pháp luật và do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.
 - c. *Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.*
2. *Habubank* phải đảm bảo có ít nhất một trăm (100) cổ đông, trong đó phải có cổ đông là tổ chức và cổ đông cá nhân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Các tỷ lệ góp vốn của cổ đông phải đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Cổ đông của Habubank phải là tổ chức được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân mang quốc tịch Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện qui định của pháp luật, không thuộc những đối tượng bị cấm theo qui định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Habubank và trở thành cổ đông của Habubank khi đáp ứng đủ các điều kiện theo qui định của pháp luật, các điều kiện do Habubank qui định, đồng ý và tuân thủ Điều Lệ này và sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.*
3. Cổ phần của *Habubank* có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc bằng các tài sản khác hợp pháp khác theo quy định tại Điều Lệ này và theo các quy định của pháp luật.
4. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng các tài sản khác không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc vàng thì các tài sản đó phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của *Habubank* và phải được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định của pháp luật. Cổ phần góp bằng tài sản qui định tại khoản 4 Điều 19 này chỉ được coi là đã được thanh toán xong và quyền của cổ đông tương ứng đối với các cổ phần này chỉ phát sinh sau khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản đó đã chuyển sang cho *Habubank*.
5. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền và số phiếu bầu của những người này phải được thông báo bằng văn bản đến *Habubank* ngay sau khi có quyết định liên quan. Thông báo này phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
 - b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại *Habubank*;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;

- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - đ. Thời hạn đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo ủy quyền; và
 - e. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
- Habubank phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức qui định tại khoản này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, các cổ đông lớn của Habubank và cổ đông nước ngoài sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký/báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán theo đúng quy định của pháp luật. Việc chào bán, phát hành cổ phần của Habubank và mua cổ phần của cổ đông và người mua chưa phải là cổ đông thực hiện theo qui định của pháp luật. Phần chênh lệch giá bán cổ phần so với mệnh giá cổ phần được hạch toán theo quy định của pháp luật.
2. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua theo qui định của Luật Doanh Nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Habubank.

Điều 21. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân được sở hữu tối đa mười phần trăm (10%) Vốn Điều Lệ của Habubank.
2. Một cổ đông là tổ chức được sở hữu tối đa hai mươi phần trăm (20%) Vốn Điều Lệ của Habubank.
3. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa hai mươi phần trăm (20%) Vốn Điều Lệ của Habubank.
4. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của một cổ đông nước ngoài và các cổ đông nước ngoài của Habubank phải tuân thủ tỷ lệ nêu tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều 21 này và các tỷ lệ hạn chế theo qui định của pháp luật trong từng thời kỳ.
5. Việc sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ nêu tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 21 này phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt trên cơ sở lợi ích quốc gia.

Điều 22. Chuyển nhượng Cổ phần

1. Cổ đông Habubank có quyền chuyển nhượng cổ phần nhưng phải đăng ký và phải tiến hành làm thủ tục tại Habubank và chỉ được chuyển nhượng sau khi Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chấp thuận theo đúng qui định của Habubank và Điều Lệ này. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Habubank trong thời gian đương nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Việc chuyển nhượng phải được thực hiện bằng văn bản. Qui định về trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Habubank do Hội đồng Quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông không vi phạm các qui định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo qui định của pháp luật và Điều Lệ này. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là cổ đông Habubank, thì việc chuyển nhượng chỉ hợp pháp nếu người nhận chuyển nhượng đáp ứng các điều kiện và không thuộc đối tượng bị cấm theo qui định của pháp luật và Điều Lệ này và người đó đã đồng ý và cam kết tuân thủ Điều Lệ này. Hội đồng Quản trị có quyền từ chối việc đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào vi phạm các qui định về đối tượng bị cấm, tỷ lệ sở hữu cổ phần theo qui định của pháp luật, chưa được thanh toán đầy đủ hoặc vi phạm quy định của Habubank về chuyển nhượng cổ phần.
4. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông được coi là đã hoàn thành khi các thông tin quy định trong Điều 26 của Điều Lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.
5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và qui định của Habubank. Người thừa kế hợp pháp chỉ được nhận thừa kế các quyền và lợi ích của cổ phần để thừa kế sau khi nhận thừa kế hết hoặc sau khi Habubank giải quyết hết các nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông đã chết để lại gắn liền với số cổ phần đó, nếu có.
6. Trong trường hợp một cổ đông bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và qui định của Habubank.
7. Khi Habubank tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán việc chuyển nhượng cổ phần của Habubank thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 23. Mua lại cổ phần

1. Habubank được mua lại cổ phần sau khi đáp ứng các điều kiện và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết theo qui định của pháp luật và qui định tại Điều 23 này.
2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:
 - a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Habubank hoặc về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Habubank mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Habubank mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Habubank trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 này.
 - b. Habubank phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a trên đây với giá do hai bên thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Habubank giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
3. Mua lại cổ phần theo quyết định của Habubank:
 - a. Habubank có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:
 - i. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;

ii. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 này. Đối với cổ phần loại khác, giá mua theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

b. Habubank có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Habubank. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Habubank phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Habubank, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Habubank.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Habubank trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Habubank chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại gồm:

a. Habubank chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Habubank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 23 này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;

c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Habubank; và

d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Habubank giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Habubank phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 24. Phát hành Trái Phiếu

1. Habubank có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo hình thức phát hành riêng lẻ hay chào bán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Habubank chỉ được phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác trong từng trường hợp khi đáp ứng đủ các điều kiện qui định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các qui định của Điều 24 này.

2. Đại Hội đồng Cổ đông quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và tổng số trái phiếu chuyển đổi sẽ phát hành. Hội đồng Quản trị quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác, tổng số trái phiếu khác sẽ phát hành, giá phát hành mọi loại trái phiếu sẽ phát hành và thời điểm phát hành. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để thực hiện việc phát hành trái phiếu thành công. Hội đồng Quản trị báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông về kết quả phát hành trái phiếu tại cuộc họp gần nhất.

3. Trái phiếu của Habubank có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng và các tài sản khác theo qui định của Hội đồng Quản trị và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 25. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Habubank được phát hành dưới hình thức chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Habubank. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu của Habubank bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Habubank;
 - b. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Habubank;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - đ. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
 - e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g. Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Habubank;
 - h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu; và
 - i. Các nội dung khác theo qui định của Luật Doanh Nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
 2. Hình thức Cổ phiếu (chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, hình thức, mẫu mã của cổ phiếu của Habubank) và cách thức phát hành cổ phiếu do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với qui định của pháp luật và Điều 25 này.
 3. Mỗi cổ đông sẽ được Habubank cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.
 4. Trường hợp có sai sót do lỗi của Habubank trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Habubank phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Habubank.
 5. Habubank có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông theo qui định của Habubank và thỏa thuận giữa Habubank và cổ đông.
 6. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Habubank bằng văn bản và được Habubank cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện cổ đông đó phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Habubank. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Habubank để tiêu huỷ; và
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười (10) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Habubank có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ

phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Habubank cấp cổ phiếu mới.

7. *Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản cổ phiếu của mình và Habubank sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo hoặc các mục đích bất hợp pháp khác.*
8. *Cổ phiếu của Habubank không được dùng để cầm cố tại chính Habubank.*

Điều 26. Sổ đăng ký cổ đông

1. *Habubank lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.*
2. *Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:*
 - a. *Tên, địa chỉ trụ sở chính của Habubank;*
 - b. *Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;*
 - c. *Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;*
 - d. *Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; và*
 - đ. *Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.*
3. *Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Habubank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Habubank hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.*
4. *Habubank báo cáo bằng văn bản và/hoặc đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi cổ đông lớn theo qui định của pháp luật. Nội dung báo cáo/dăng ký thực hiện theo quy định của pháp luật.*

MỤC VI. - CÁC CƠ QUAN QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CỦA HABUBANK

Điều 27. Các cơ quan

Cơ quan của Habubank bao gồm:

1. *Đại Hội đồng Cổ đông;*
2. *Hội đồng Quản trị;*
3. *Chủ tịch Hội đồng Quản trị;*
4. *Ban Kiểm soát;*
5. *Tổng giám đốc.*

MỤC VII. - QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 28. Quyền hạn của Cổ đông

1. *Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:*
 - a. *Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;*
 - b. *Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;*
 - c. *Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Habubank;*
 - d. *Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo qui định của pháp luật, Điều Lệ và qui định của Habubank;*
 - đ. *Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác theo qui định của pháp luật, Điều Lệ và qui định của Habubank;*
 - e. *Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Habubank, sổ biên bản Đại Hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông theo qui định của pháp luật, Điều Lệ và qui định của Habubank;*
 - g. *Khi Habubank giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Habubank;*
 - h. *Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.*
2. *Mỗi Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Habubank trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:*
 - a. *Đề cử tối đa không quá một (01) người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Nếu nhóm cổ đông nói trên đề cử chính cổ đông cá nhân hay người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức trong nhóm cổ đông đó thì nhóm cổ đông đó chỉ được đề cử không quá một (01) người đó vào Hội đồng Quản trị hoặc vào Ban Kiểm soát. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm và đề cử của mình cho Hội đồng Quản trị biết chậm nhất theo thời hạn qui định của Hội đồng Quản trị trước khi khai mạc Đại Hội đồng Cổ đông;*
 - b. *Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát theo qui định của pháp luật, Điều Lệ và qui định của Habubank;*
 - c. *Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:*
 - i. *Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người Quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao,*
 - ii. *Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế;*

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số

đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Habubank, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

- d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Habubank khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Habubank; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và
- đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
3. Một cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức chỉ được ứng cử hoặc đề cử vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát của Habubank. Một cổ đông là tổ chức có nhiều người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền cổ đông tại Habubank chỉ được đề cử người đại diện theo ủy quyền của mình vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát của Habubank.

Điều 29. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
- a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Habubank về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần của Habubank; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Habubank trong phạm vi số vốn đã góp vào Habubank;
 - b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Habubank dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Habubank hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Habubank phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Habubank trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
 - c. Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Habubank;
 - d. Chấp hành quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;
 - đ. Không thực hiện bất cứ hành động gì làm ảnh hưởng đến uy tín của Habubank;
 - e. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tài sản của Habubank, bảo mật các thông tin của Habubank; và
 - g. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
2. Cổ đông phổ thông không được quyền nhân danh Habubank dưới mọi hình thức để thực hiện và phải tự chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện một trong các hành vi sau đây nhân danh Habubank:
- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Habubank.

Điều 30. Đại Hội đồng Cổ đông

Đại Hội đồng Cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Habubank là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Habubank.

Điều 31. Hợp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm một lần. Địa điểm cụ thể trên lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế.
2. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại Hội đồng Cổ đông có thể họp thường niên muộn hơn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều Lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập sẽ tham dự Đại Hội đồng Cổ đông thường niên, nếu có yêu cầu của Hội đồng Quản trị, để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông họp bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Habubank;
 - b. Tình hình tài chính của Habubank cho thấy Habubank bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát nhỏ hơn hai phần ba (2/3) tổng số thành viên quy định của Điều Lệ Habubank hoặc không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều Lệ Habubank;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng yêu cầu triệu tập cuộc họp;
 - đ. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của Người Quản lý hoặc Hội đồng Quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - e. Theo yêu cầu của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi Habubank đặt trụ sở chính.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo qui định tại Khoản 1, Khoản 2 hoặc Khoản 3 Điều 31 này, Ban Kiểm soát sẽ triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông họp theo quy định của pháp luật trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo.
5. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo qui định tại Khoản 4 Điều 31 này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trở lên ít nhất trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục trước đó đã có yêu cầu họp có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi Habubank đặt trụ sở chính giám sát việc triệu tập và tiến hành họp.

6. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp, mời các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến chứng kiến phiên họp theo qui định của pháp luật và Điều Lệ này.
7. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ do Habubank thanh toán với điều kiện các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí riêng của cổ đông để tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Habubank;
 - b. Đổi tên Habubank, thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động của Habubank;
 - c. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ, trừ trường hợp (i) điều chỉnh Vốn Điều Lệ do mua lại, bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều Lệ này, (ii) điều chỉnh Điều Lệ đối với các vấn đề nêu trong Điều Lệ đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, hoặc (iii) các sửa đổi Điều Lệ khác liên quan đến các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị được qui định tại Điều Lệ này;
 - d. Thảo luận và thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Habubank, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức theo đề nghị của Hội đồng Quản trị;
 - đ. Quyết định tổ chức lại, giải thể Habubank;
 - e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - g. Quyết định việc trích lập các quỹ hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, quyết định việc sử dụng các quỹ của Habubank theo đề nghị của Hội đồng Quản trị;
 - h. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
 - i. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank; (đầu tư nêu tại điều này bao gồm: đầu tư thành lập công ty con, công ty liên kết; tổ chức lại, mua lại, giải thể công ty con, công ty liên kết; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật của Habubank; góp vốn; mua cổ phần tại doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác có giá trị giao dịch bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank);
 - k. Quyết định các hợp đồng giao dịch (trừ các loại bị cấm theo qui định của pháp luật) có giá trị lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Habubank ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với (i) thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; (ii) cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông của Habubank, hoặc (iii) với người có liên quan của những người này;
1. Bầu, bầu bổ sung, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát, quyết định mức thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát; và

- m. Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Habubank.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về:
 - a. Bất kỳ hợp đồng nào thuộc diện phải được Đại Hội Đồng cổ đông thông qua mà cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Bất kỳ việc mua riêng lẻ cổ phần Habubank nào của chính cổ đông đó hoặc của bất kỳ người có liên quan nào của cổ đông đó.
3. Đại Hội đồng Cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 33. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Habubank. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện của cổ đông là tổ chức tại Habubank; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 34. Quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại Hội đồng Cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 5 Điều 19 ở trên thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Habubank và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền cho người khác đi dự họp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 19 ở trên ủy quyền cho người khác đi dự họp và nếu người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó được phép ủy quyền lại thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền đó, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- d. Người được uỷ quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; hoặc
- b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
- tại thời điểm khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông trừ khi Habubank nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại Hội đồng Cổ đông, trừ khi các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản gửi tới người triệu tập họp ít nhất một (01) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại Hội đồng Cổ đông, người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng với điều kiện việc chuyển nhượng đã hoàn tất và người nhận chuyển nhượng đã có tên trong Sổ đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 35. Chương trình, nội dung họp và triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Chương trình và nội dung họp:
- a. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp theo qui định tại Điều 35 này.
- b. Cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Habubank trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục trước ngày họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Habubank chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Habubank, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.
- c. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 35 này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
- i. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
- iii. Người kiến nghị không xuất trình đủ các giấy tờ chứng minh quyền của mình được kiến nghị cho Habubank.
- d. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 35 ở trên; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

- đ. Đối với từng vấn đề chương trình họp, Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết.*
2. Mời họp Đại Hội đồng Cổ đông:
- a. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông ghi trong Sổ đăng ký Cổ đông.*
 - b. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Habubank; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.*
 - c. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.*
 - d. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo được công bố trên trang thông tin điện tử của Habubank đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.*

Điều 36. Các điều kiện tiến hành Đại Hội đồng Cổ đông, thể thức họp và biểu quyết

1. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông:
- a. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;*
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 này trong vòng một trăm hai mươi (120) phút kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;*
 - c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 36 này trong vòng một trăm hai mươi (120) phút kể từ thời điểm dự định khai mạc cuộc họp thì cuộc họp lần thứ ba được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.*
2. *Chỉ có Đại Hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp đã gửi cổ đông theo quy định tại Điều 35 Điều Lệ này.*
3. *Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội đồng Cổ đông:*
- a. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại Hội đồng Cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.*
 - b. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được quy định như sau:*
 - i. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ toạ*

- thì thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại Hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- ii. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông điều khiển để Đại Hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - iii. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - iv. Đại Hội đồng Cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá năm (05) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 5. Chủ tọa và thư ký họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 6. Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 7. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
 8. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.
 9. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - c. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
 10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều 36 này, Đại Hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 37. Thông qua Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Đại Hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Habubank; tổ chức lại Habubank; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi phần trăm (60%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, Đại Hội đồng Cổ đông theo quyết định của mình tại cuộc họp đã bỏ phiếu hai lần mà chưa bầu đủ số thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhưng đã bầu được đủ hoặc nhiều hơn số thành viên tối thiểu của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát qui định tại Khoản 2 Điều 50 và Khoản 2 Điều 64 Điều Lệ này, Chủ tọa phiên họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền dừng bầu cử và Đại Hội đồng Cổ đông thông qua danh sách thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát mà Đại Hội đồng Cổ đông đã bầu thành công.
 - d. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được cổ đông trực tiếp và người đại diện theo uỷ quyền tham dự biểu quyết thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của Habubank chấp thuận;
4. Riêng đối với quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về việc Habubank tự nguyện giải thể và thanh lý Habubank trong mọi trường hợp (biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) chỉ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất tám mươi một phần trăm (81%) tổng số phiếu biểu quyết (của cổ đông dự họp nếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc của Habubank nếu lấy ý kiến bằng văn bản) chấp thuận.
5. Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về bất cứ vấn đề nào thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông bao gồm cả thông qua sửa đổi bổ sung Điều Lệ của Habubank vào bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Habubank. Hình thức bằng văn bản có thể bằng giấy, dữ liệu điện tử, thư điện tử hay hình thức khác theo qui định của pháp luật.
2. Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức điện tử (email, trang web, v.v), thông báo phải được gửi bằng giấy bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông, trừ trường hợp cổ đông đăng ký chỉ giao dịch với Habubank bằng hình thức điện tử.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Habubank;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Habubank;
 - g. Hướng dẫn cụ thể cho cổ đông về các yêu cầu về hình thức, nội dung, cách thực hiện biểu quyết của từng vấn đề cụ thể (nếu có);
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông và người đại diện theo pháp luật của Habubank.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Habubank phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Habubank sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Nếu phiếu lấy ý kiến được trả lời bằng phương pháp điện tử thì vẫn phải có đầy đủ các nội dung nêu tại Khoản 3 Điều 38 này và phải được ký bằng chữ ký điện tử hoặc mã nhận dạng điện tử của cổ đông đã đăng ký với Habubank và phải được bảo mật tại địa chỉ nhận ý kiến do Habubank quy định và chỉ được mở khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến không tuân thủ đúng các yêu cầu về hình thức và nội dung theo hướng dẫn trong phiếu lấy ý kiến đã gửi cho cổ đông đều không hợp lệ.
5. Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Habubank. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Habubank;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - đ. Các quyết định đã được thông qua;
 - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông và người đại diện theo pháp luật của Habubank và của người giám sát kiểm phiếu.
6. Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Habubank.
 9. Quyết định, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định, nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông.

Điều 39. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông

1. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được lập biên bản và ghi vào sổ biên bản của Habubank. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chủ toạ và thư ký;
 - đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

2. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Habubank.

Điều 40. Hủy bỏ các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội đồng Cổ đông bằng văn bản, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này; hoặc
 - b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.
2. Nếu bản án hoặc quyết định của Tòa án tuyên hủy toàn bộ hoặc một phần quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông Habubank đã có hiệu lực pháp luật thì toàn bộ hoặc phần quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông bị tuyên hủy hết hiệu lực pháp luật kể từ ngày bản án hoặc quyết định đó của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Việc giải quyết hậu quả thực hiện theo quyết định, bản án có hiệu lực của Tòa án và theo qui định của pháp luật.

MỤC VIII. - ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 41. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Habubank, có toàn quyền nhân danh Habubank để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích và nghĩa vụ hợp pháp của Habubank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông.
2. Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Habubank; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của Habubank, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Habubank.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Habubank.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Habubank được bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.

Điều 42. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giữ chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc:
 - a. *Người chưa thành niên, người mất hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự; riêng đối với thành viên Ban Kiểm soát thì người chưa đủ hai một (21) tuổi không được làm thành viên Ban Kiểm soát;*
 - b. *Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm sở hữu, các tội khác từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án;*
 - c. *Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, chủ tịch, thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban kiểm soát, hoặc tổng giám đốc (giám đốc) của một doanh nghiệp, chủ nhiệm hoặc thành viên ban quản trị hợp tác xã đã tuyên bố phá sản hoặc bị phá sản, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật về phá sản;*
 - d. *Người đại diện theo pháp luật của một doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động hoặc bị buộc phải giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;*
 - đ. *Người đã từng là thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hoặc tổng giám đốc của một ngân hàng bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định có sai phạm dẫn đến việc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng đó;*
 - e. *Các trường hợp bị cấm khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật Phá Sản, Pháp Lệnh Cán Bộ, Công Chức, Luật Sĩ Quan, Luật Phòng Chống Tham Nhũng và pháp luật khác hoặc không đáp ứng đủ các điều kiện qui định tại Điều Lệ này.*
2. **Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng của Habubank.**
3. **Một cổ đông là tổ chức nếu có nhiều người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền cổ đông tại Habubank, trong đó một người đại diện theo ủy quyền đã được bầu vào Ban Kiểm soát thì (những) người đại diện theo ủy quyền còn lại không được tham gia Hội đồng Quản trị hoặc giữ chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của Habubank.**

Điều 43. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc:
 - a. **Mất năng lực hành vi dân sự, chết;**
 - b. **Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức chấm dứt;**
 - c. **Thuộc một trong các đối tượng quy định tại Điều 42 Điều Lệ này;**
 - d. **Tư cách làm đại diện theo uỷ quyền cho cổ đông tổ chức chấm dứt;**

- đ. Khi bị tòa án có thẩm quyền trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e. *Habubank* bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g. *Khi Hợp đồng thuê Tổng giám đốc (nếu có) hết hiệu lực; hoặc*
 - h. *Phê chuẩn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với chức danh của những người này hết hiệu lực.*
2. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 này, Hội đồng Quản trị phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi *Habubank* đặt trụ sở chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc *Habubank* bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
- a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b. Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý gửi Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của *Habubank* trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ ít nhất ba mươi (30) ngày;
 - c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị (đối với thành viên Hội đồng Quản trị) hoặc của Ban Kiểm soát (đối với thành viên Ban Kiểm soát) trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ *Habubank* về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - đ. Vi phạm quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ *Habubank* trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc *Habubank* sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ hoạt động mà không được bầu, bổ nhiệm lại phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 45. Kiểm soát đặc biệt

1. Trường hợp *Habubank* bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại *Habubank* được thành lập theo quy định của pháp luật có quyền tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.
2. Trong thời gian bị tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh theo qui định tại Điều 44 và chờ làm thủ tục trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban

Kiểm soát được tham dự họp nhưng không được quyền biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát.

Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của Habubank phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Habubank, bao gồm:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ba mươi lăm phần trăm (35%) vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều 46 này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Habubank trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 này phải được thông báo cho Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Habubank. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Habubank đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Habubank.

MỤC IX. - NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ HABUBANK

Điều 47. Nghĩa vụ tận trọng của người quản lý Habubank

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên của Ban điều hành, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Habubank có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Habubank phù hợp quy định của pháp luật và Điều Lệ của Habubank với mức độ tận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 48. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, thành viên khác của Ban điều hành, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Habubank có nghĩa vụ:

- a. *trung thành với lợi ích của Habubank, không sử dụng thông tin, bí quyết cơ hội kinh doanh của Habubank, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Habubank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Habubank;*
 - b. *khai báo cho Hội đồng Quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột với quyền lợi của Habubank mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng Quản trị (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.*
2. *Các hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo qui định của pháp luật) của Habubank với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông nắm giữ 10% vốn điều lệ của Habubank trở lên trong vòng sáu (06) tháng liên tục trước ngày ký giao dịch và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:*
- a. *Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Habubank ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.*
 - b. *Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Habubank ghi trong báo cáo tài chính gần nhất thì phải được Hội đồng Quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng Quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.*
3. *Trường hợp, hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 48 này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Habubank phải có trách nhiệm bồi thường.*
4. *Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của Habubank hay của các công ty con khi họ có quyền nắm giữ thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.*
5. *Các hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo qui định của pháp luật) của Habubank với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Habubank và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết khi có chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc của Tổng Giám đốc tùy theo qui định cụ thể của Điều Lệ này và quy định của Habubank do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ.*

Điều 49. Trách nhiệm và Bồi thường

1. **Trách nhiệm:** Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành và người quản lý khác của Habubank phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều Lệ Habubank và các Quy chế nội bộ của Habubank trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. **Bồi thường:** Habubank sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Habubank mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện

đúng các quy định của pháp luật, Điều Lệ Habubank và các Quy chế của Habubank. Habubank có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

MỤC X. - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Thành phần và Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị

1. Đại Hội đồng Cổ đông Habubank bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của Habubank và Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo đúng qui định của Điều Lệ này. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Habubank phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.
2. Hội đồng Quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng Quản trị của Habubank có thời hạn là năm (05) năm. Khi bầu các thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới, Habubank phải dự kiến ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng Quản trị sẽ tham gia tái ứng cử trong nhiệm kỳ kế tiếp.
3. Hội đồng Quản trị mới được bầu phải bắt đầu hoạt động trong vòng không quá bảy (07) ngày kể từ ngày được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bắt đầu hoạt động và tiếp quản công việc. Trong trường hợp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chuẩn y hết các thành viên Hội đồng Quản trị mới được Đại Hội đồng Cổ đông bầu mà số thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y vẫn đủ số lượng tối thiểu là ba (03) thành viên thì Hội đồng Quản trị mới gồm các thành viên đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y được bắt đầu hoạt động kể từ ngày có quyết định chuẩn y của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng Quản trị mới, tùy yêu cầu cụ thể có thể yêu cầu Đại Hội đồng Cổ đông thường niên tiếp theo hay triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không chuẩn y hết các thành viên Hội đồng Quản trị mới được Đại Hội đồng Cổ đông bầu mà số thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu và được chuẩn y đó không đủ số lượng tối thiểu là ba (03) thành viên thì Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông họp bất thường trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định chuẩn y thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để bầu lại Hội đồng Quản trị theo qui định của Điều Lệ này và của pháp luật.
4. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản Trị được bầu bổ sung hoặc được bầu để thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Việc bầu bổ sung đảm bảo nguyên tắc bầu đôn phiếu qui định tại Điều Lệ này.
5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
6. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị của Habubank không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát Habubank hoặc đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con, công ty liên kết của Habubank.
8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc Habubank.
9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và thường trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
10. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nước ngoài được bầu vào Hội đồng Quản trị, người này phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số người này trên tổng số thành viên Hội đồng Quản trị được bầu không được vượt quá mức tương ứng của tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Habubank so với Vốn Điều Lệ của Habubank, nếu tỉ lệ này không đạt thì số lượng tối thiểu được phép là một (1) người; và
 - b. Không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Habubank.

Điều 51. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Quản trị Habubank theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này;
2. Quyết định kế hoạch chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Habubank;
3. Chuẩn bị, kiến nghị và trình ra Đại Hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Các báo cáo về tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản trị và điều hành hằng năm,
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại lên Đại Hội đồng cổ đông quyết định; quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Habubank,
 - c. Tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Habubank,
 - d. Mức cổ tức hàng năm chi trả cho cổ đông,
 - đ. Danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Habubank, và
 - e. Các kiến nghị khác về các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại Hội đồng Cổ đông;
4. Quyết định mua lại cổ phần của Habubank bằng hoặc thấp hơn mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại đã được chào bán trong mỗi kỳ mười hai (12) tháng;
5. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp đó, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người này;

6. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông, các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank với (i) thành viên Hội đồng Quản trị, (ii) thành viên Ban Kiểm soát, (iii) Tổng Giám đốc, (iv) cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phần phổ thông của Habubank và (v) với người có liên quan của họ;
7. Quyết định việc thành lập công ty con, công ty liên kết, sở giao dịch, chi nhánh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, văn phòng đại diện của Habubank ở trong nước và ở nước ngoài;
8. Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
9. Quyết định giải pháp chiến lược về phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
10. Xem xét và chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, cổ đông nước ngoài theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ này;
11. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Habubank; Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Habubank phù hợp với quy định của pháp luật; Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động của Habubank;
12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc trên cơ sở quy định nội bộ về tổ chức điều hành Habubank do Hội đồng Quản trị ban hành; quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc; Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Habubank;
13. Định giá hoặc lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn mua cổ phần của Habubank không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng của cổ đông theo quy định của pháp luật;
14. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông;
15. Khi phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ của Người Quản lý Habubank quy định tại Điều 47, 48, 49 Điều Lệ này và các qui định khác liên quan đến nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp của pháp luật thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
16. Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Ban Kiểm soát có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Người Quản lý Habubank quy định tại Điều 47, 48, 49 Điều Lệ này hay của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này;
17. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;
18. Thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; và
19. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 52. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

1. *Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải thường trực trong công tác quản trị Habubank thay mặt Hội đồng Quản trị giữa các kỳ họp của Hội đồng Quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Habubank, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:*
 - a. Thay mặt Hội đồng Quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Chuẩn bị nội dung, chương trình thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị;
 - d. Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - đ. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị; giám sát chỉ đạo hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Habubank;
 - e. Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ của Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện quản trị hoạt động của Habubank;
 - g. Quyết định các vấn đề sau đây trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc:
 - i. Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ cụ thể trong từng thời kỳ;
 - ii. Quy định biểu lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng trong từng thời kỳ cụ thể theo quy định của pháp luật;
 - iii. Phương án đầu tư và dự án đầu tư, việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác có giá trị dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank, cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty đó, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người này;
 - iv. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank;
 - v. Thành lập phòng giao dịch, điểm giao dịch trong nước của Habubank;
 - vi. Quy định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật;
 - vii. Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông không phải là cổ đông lớn, cổ đông nước ngoài theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ này;
 - viii. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Habubank, Giám đốc Chi nhánh, Sở giao dịch, công ty con, Trưởng văn phòng đại diện và các chức danh khác trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành; quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - ix. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác của Habubank có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Habubank với (i) Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Giám đốc, Phó giám đốc Sở giao dịch, Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, công ty con, văn phòng đại diện của Habubank, (ii) cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu từ

năm phần trăm (5%) đến hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phần phổ thông của Habubank và (iii) với người có liên quan của họ.

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đại diện theo pháp luật của Habubank, thực hiện chức năng người đại diện theo pháp luật thay mặt Habubank trước pháp luật và trong các vụ việc, giao dịch với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị tùy theo yêu cầu có thể uỷ quyền lại cho Người Quản lý khác thực hiện chức năng người đại diện theo pháp luật theo uỷ quyền. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt trên ba mươi (30) ngày ở Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng giám đốc hoặc người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Habubank.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Điều Lệ này và phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích Habubank;
 - b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - c. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Habubank trong từng thời kỳ;
 - d. Tham dự các phiên họp của Hội đồng Quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều Lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết do xung đột lợi ích; chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại Hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những ý kiến của mình;
 - đ. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và của Hội đồng Quản trị;
 - e. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường hoặc họp Hội đồng Quản trị phiên bất thường;
 - g. Giải trình trước Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu; và
 - h. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Habubank.

Điều 53. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày.
2. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao hàng năm của Hội đồng Quản trị do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. *Habubank sẽ thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác của thành viên Hội đồng Quản trị đã chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.*
4. *Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Habubank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Habubank và phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.*

Điều 54. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên Hội đồng Quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ ít nhất ba mươi (30) ngày.
4. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
5. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu kể từ ngày được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn ý. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 55. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và chuẩn bị cho việc xin phê chuẩn của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị mới được bầu phải họp phiên đầu tiên trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn ý để tiếp quản công việc của Hội đồng Quản trị hết nhiệm kỳ trước đó và giải quyết các công việc theo thẩm quyền.
3. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Định kỳ Hội đồng Quản trị Habubank họp mỗi quý một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường để giải quyết các công việc đột xuất nếu thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:
 - a. Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. Ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Ban Kiểm soát;
 - đ. Tổng Giám đốc;
 - e. ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - g. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi Habubank đặt trụ sở chính.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều 55 này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị trong thời hạn nói trên thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Habubank. Người có quyền đề nghị họp Hội đồng Quản trị bất thường nêu tại Khoản 4 Điều 55 này sẽ thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và các thành viên dự họp sẽ bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp đó.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Habubank hoặc những địa điểm khác được Chủ tịch Hội đồng Quản trị quy định.
7. Thông báo mời họp: Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Habubank.
8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Yêu cầu số thành viên tham dự: Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng Quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm dự kiến bắt đầu phiên họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng Quản trị lần hai trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng Quản trị.

10. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Nếu thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản đến cuộc họp. Trường hợp gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng Quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Hội đồng Quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng Quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
- đ. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng Quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Habubank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, tại đây Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
- e. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt).

11. Biên bản:

- a. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. *Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:*
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;

- iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;*
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;*
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;*
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;*
 - viii. Các quyết định đã được thông qua;*
 - ix. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.*
- b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
- c. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Habubank.
- d. Mọi khiếu nại về nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được gửi tới người Chủ tọa phiên họp đó trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
12. Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các người quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

Điều 56. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 5 Điều 55 ở trên có quyền quyết định thay việc họp bằng việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định về một hay nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.
2. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 57. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Habubank để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng Quản trị có các nhân viên giúp việc chuyên trách và quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc. Khi cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể tuyển dụng họp đồng đối với các chuyên gia tư vấn và các chuyên viên để giúp việc theo yêu cầu công việc.

Điều 58. Thư ký Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký và Habubank. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm hơn một (01) người làm đồng thư ký. Chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:
 - a. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hay của Ban kiểm soát;
 - b. Ghi biên bản cuộc họp;
 - c. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
 - d. Hỗ trợ chuẩn bị, cung cấp tài liệu, văn bản, thông tin cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Cổ đông.
2. Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin của Habubank theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Habubank.

MỤC XI. - TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 59. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân Hàng.
2. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số thành viên của mình hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc thông qua ký kết một hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật Các Tổ chức tín dụng, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Habubank.
4. Tổng Giám đốc không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị, kiểm soát, điều hành nào tại tổ chức tín dụng khác hoặc doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là công ty con của Habubank và chỉ được giữ chức danh quản trị, kiểm soát tại công ty con đó.
5. Tổng Giám đốc phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 60. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc sau khi đã được Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi Habubank đặt trụ sở chính có văn bản chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm. Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo *các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và không thuộc đối tượng không được tham gia quản trị, điều hành quy định tại Điều Lệ này* đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi *Habubank* đặt trụ sở chính.
4. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.
5. Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc *đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, không thuộc đối tượng không được tham gia quản lý quản trị, điều hành quy định Điều Lệ này* đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nơi *Habubank* đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.
6. Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trường Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của *Habubank*.

Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. *Điều hành và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Habubank phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều Lệ, các nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị;*
 - b. Trình Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo thẩm quyền qui định tại Điều Lệ này:
 - i. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ *Habubank*,
 - ii. Thành lập công ty con, công ty liên kết,
 - iii. Mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp,
 - iv. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành tại trụ sở chính; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp,
 - v. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp,
 - vi. Quy chế hoạt động của sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con,

- vii. Quyết định về lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí, mức tiền phạt đối với khách hàng theo quy định của pháp luật,
 - viii. Phát hành cổ phiếu mới,
 - ix. Phương án hoạt động kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị,
 - x. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Habubank và sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con, đơn vị sự nghiệp,
 - xi. Những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng,
 - xii. Tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Habubank,
 - xiii. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện các quy định của Nhà nước liên quan tới Habubank;
- c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, các chức danh thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều Lệ này, Quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành, giám sát, chỉ đạo những người này; tuyển dụng, kỷ luật và sa thải các nhân viên của Habubank; quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền theo đúng pháp luật và Quy chế do Hội đồng Quản trị ban hành;
- d. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh và phương án đầu tư của Habubank sau khi được Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- đ. Thiết lập các quy trình nghiệp vụ để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
- e. Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;
- g. Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ để báo cáo về kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
- h. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- i. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền để giải quyết tiếp;
- k. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kết quả hoạt động kinh doanh của Habubank;
- l. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều Lệ này;
- m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Habubank, quyết định của Hội đồng Quản trị và ủy quyền của Chủ tịch Hội Đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.

Điều 62. Người Quản lý khác

1. Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng Quản trị bổ nhiệm là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Habubank theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Điều Lệ này, quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc.
2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng Quản trị bổ nhiệm là người giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Habubank, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Điều Lệ này, quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc và có các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
3. Giám đốc chi nhánh, sở giao dịch, công ty con, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện do Chủ tịch Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Giám đốc, người đứng đầu phòng, ban, đơn vị trực thuộc hội sở chính Habubank, phòng giao dịch, điểm giao dịch do Tổng Giám đốc bổ nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ điều hành hoạt động, kinh doanh của đơn vị mình theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, quy chế tổ chức, hoạt động của đơn vị phù hợp với qui định của pháp luật.
4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, sở giao dịch, công ty con, đơn vị trực thuộc là người phải đáp ứng các điều kiện qui định của pháp luật, không thuộc trường hợp bị cấm theo qui định của pháp luật và phải cư trú tại Việt Nam hoặc tại nơi đơn vị mình làm việc đóng trụ sở chính trong thời gian đương nhiệm.

Điều 63. Thù lao của Tổng giám đốc và người quản lý khác

1. Tổng giám đốc được hưởng tiền lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Tiền lương và tiền thưởng của Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, sở giao dịch, công ty con, đơn vị trực thuộc do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định.
2. Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Habubank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Habubank và phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

MỤC XII. - BAN KIỂM SOÁT

Điều 64. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Đại Hội đồng Cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Habubank và Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo đúng qui định của Điều Lệ này.
2. Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu là ba (03) người, tối đa là năm (05) người.
3. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một nửa (1/2) số thành viên là chuyên trách và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát phải thường trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại.
5. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nước ngoài được bầu vào Ban Kiểm soát, người này phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số người này trên tổng số thành viên Ban Kiểm soát không được vượt quá mức tương ứng của tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Habubank so với Vốn Điều Lệ của Habubank, nếu tỉ lệ này không đạt thì số lượng tối thiểu được phép là một (1) người; và
 - b. Không được giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát của Habubank.

Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
2. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. Giám sát Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Habubank, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại Hội đồng Cổ đông;
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Habubank;
 - c. Thẩm định báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm của Habubank, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Habubank khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn;
 - d. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Habubank và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - đ. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác và các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Habubank bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng trước đó;
 - e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều Lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
 - g. Giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của bộ máy kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Habubank;

- h. Báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính; hoạt động của hệ thống kiểm toán nội bộ của Habubank;
 - i. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
 - k. *Khi phát hiện có Người Quản lý của Habubank vi phạm nghĩa vụ của Người Quản lý Habubank quy định tại Điều 47, 48, 49 Điều Lệ này và các qui định khác liên quan đến nghĩa vụ của người quản lý doanh nghiệp của pháp luật thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;*
 - l. *Triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Người Quản lý Habubank quy định tại Điều 47, 48, 49 Điều Lệ này hay của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này;*
 - m. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
3. *Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Habubank.*

Điều 66. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

- 1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều Lệ này;
 - b. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - c. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
 - d. Chịu trách nhiệm chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;
 - đ. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - e. Chấp hành các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều Lệ này;
 - g. *Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết; nếu có ý kiến khác với những nghị quyết của Hội đồng Quản trị, được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại Hội đồng Cổ đông;*
 - h. Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban Kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
- 2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;

- b. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ Habubank và Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Habubank và cổ đông;
 - c. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
 - d. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Habubank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh;
 - đ. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những sự kiện tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình trước Đại Hội đồng Cổ đông;
 - e. Ít nhất một (01) tháng một lần có văn bản báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban kiểm soát;
 - g. Ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có sai phạm nghiêm trọng *quy định về nghĩa vụ của Người Quản lý quy định tại Điều Lệ này*;
 - h. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động ngân hàng. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ.
3. Thành viên chuyên trách của Ban Kiểm soát được hưởng lương theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, các thành viên Ban Kiểm soát khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên Ban Kiểm soát do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định. Các thành viên Ban Kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban Kiểm soát và số phí công vụ mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận, được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Habubank.

Điều 67. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 của Điều Lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Điều Lệ này và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
4. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại Hội đồng Cổ đông gần nhất quyết định.

5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều Lệ *Habubank*, trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại Hội đồng Cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 68. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
2. Cuộc họp bất thường: Ban Kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát;
 - đ. Tổng Giám đốc;
 - e. Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh, thành phố nơi *Habubank* đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một người nêu tại điểm a, b, c, d, đ của khoản 2 Điều 68 này, hoặc trong thời hạn qui định của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp nêu tại điểm e khoản 2 Điều 68 này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh, thành phố nơi *Habubank* đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại Hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của *Habubank*.
5. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu *biểu quyết* cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu *biểu quyết* trong phong bì dán kín cho Trưởng Ban Kiểm soát một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu *biểu quyết* chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định *trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm dự kiến bắt đầu phiên họp*, Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá mười lăm (15) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trường Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để Đại Hội đồng Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.
7. Biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với *Habubank* phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trường Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trường Ban Kiểm soát vắng mặt).
10. Người có thẩm quyền triệu tập họp Ban Kiểm soát nêu tại Khoản 3 Điều 68 này có quyền quyết định thay việc họp bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát để thông qua quyết định về

một vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát. Quyết định thông qua bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến; và
- b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

Thế thức lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát ban hành.

11. Biên bản:

- a. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được ghi vào sổ biên bản. *Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:*
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các quyết định đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.
- b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Ban Kiểm soát.
- c. *Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Habubank.*
- d. *Mọi khiếu nại về nội dung biên bản họp Ban Kiểm soát phải được gửi tới người chủ tọa phiên họp đó trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.*

Điều 69. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. *Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.*
2. *Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Habubank phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.*

3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Habubank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Người Quản lý và nhân viên của Habubank làm việc.
4. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Habubank theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

MỤC XIII. - QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA HABUBANK

Điều 70. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông được quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản gửi tới Habubank, kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông của Habubank trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Habubank.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trước ngày có yêu cầu có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản gửi tới Habubank, xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Habubank.

MỤC XIV. - NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 71. Người lao động và Công đoàn

1. Việc thành lập và hoạt động công đoàn của người lao động tại Habubank thực hiện theo qui định của pháp luật.
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mượn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Habubank cũng như quan hệ của Habubank với tổ chức Công đoàn, để báo cáo Hội đồng Quản trị thông qua trên cơ sở tuân thủ pháp luật hiện hành và nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

MỤC XV. - PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 72. Cổ tức

1. Habubank chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Habubank nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các cổ đông tại Đại Hội đồng Cổ đông. Chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải

ghi rõ tên *Habubank*, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

3. *Habubank* sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phần *Habubank*.
4. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phần sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi *Habubank* đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép *Habubank* thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. *Habubank* sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được *Habubank* chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu *Habubank* đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ *Habubank*, nếu các bên chuyển nhượng không có thỏa thuận khác được ký kết hợp pháp gửi bằng một bản chính đến *Habubank* trước hai mươi bốn (24) giờ trước ngày chi trả cổ tức.

MỤC XVI. - HỆ THỐNG KIỂM TRA, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 73. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ

1. Tổng Giám đốc đệ trình lên Hội đồng Quản trị phê chuẩn việc thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của *Habubank*.
2. Định kỳ hàng năm, Tổng Giám đốc tổ chức tiến hành tự rà soát, kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của toàn *Habubank*, của từng đơn vị, bộ phận nghiệp vụ, báo cáo Hội đồng Quản trị.

Điều 74. Hệ thống kiểm toán nội bộ

1. “Kiểm toán nội bộ” là hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong tổ chức tín dụng, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
2. “Bộ phận kiểm toán nội bộ” là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của *Habubank* được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.

3. Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của Habubank và trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ.
4. Bộ phận kiểm toán nội bộ có các nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
 - b. Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của Habubank (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Habubank. Đối với tất cả những vấn đề có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Habubank, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động của Habubank và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này;
 - c. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
 - d. Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng;
 - đ. Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và đệ trình kịp thời các kết quả kiểm toán nội bộ cho các bên hữu quan trong và ngoài Habubank theo đúng các chính sách, quy trình, quy định của Habubank và theo pháp luật;
 - e. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động ngân hàng;
 - g. Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ;
 - h. Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo một cách liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ;
 - i. Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ;
 - k. Tư vấn cho Ban điều hành, Hội đồng Quản trị Habubank và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ.
5. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ có các quyền hạn sau đây:
 - a. Được Habubank trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết;

- b. Được chủ động thực hiện các nhiệm vụ của mình theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
- c. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ;
- d. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, các tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ;
- đ. Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả các cán bộ, nhân viên của Habubank về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
- e. Được tham dự và được nhận các biên bản họp của ban lãnh đạo có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
- g. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị.

Điều 75. Chế độ Tài chính

1. Habubank chấp hành chế độ tài chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Habubank chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Habubank.

Điều 76. Sử dụng Vốn

1. Habubank được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Habubank được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Habubank được điều động vốn và tài sản giữa các công ty con có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 77. Các Quỹ Dự trữ

Habubank được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
5. Quỹ khen thưởng;
6. Quỹ phúc lợi.
7. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 78. Tự chủ về tài chính của Habubank

Habubank tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 79. Kế toán và Thuế

1. *Habubank* thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
2. Năm tài chính của *Habubank* bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
3. *Habubank* phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
4. *Habubank* thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Pháp luật.

**MỤC XVII. - BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 80. Trình báo cáo hàng năm

1. *Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:*
 - a. Báo cáo về tình hình kinh doanh của *Habubank*;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành *Habubank*.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của *Habubank* phải được kiểm toán trước khi trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 80 này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội đồng Cổ đông.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng Quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của *Habubank* chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại Hội đồng Cổ đông.
5. Cổ đông sở hữu cổ phần của *Habubank* liên tục ít nhất mười hai (12) tháng trước đó có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp, bằng yêu cầu bằng văn bản gửi *Habubank*, xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 81. Báo cáo Tài chính

1. *Habubank* lập các báo cáo tài chính định kỳ hoặc bất thường theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính của *Habubank* bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi và lỗ của *Habubank* trong kỳ tài chính và tình hình các hoạt động của *Habubank* cho đến thời điểm lập Báo cáo.

Điều 82. Công bố và Thông báo

Các báo cáo tài chính hàng năm phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như phải được công bố *công khai* trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.

MỤC XVIII. - KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 83. Kiểm toán

1. Chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước khi kết thúc năm tài chính, *Habubank* phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để kiểm toán các hoạt động của mình.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập của *Habubank* sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của *Habubank* và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong thời hạn thỏa thuận với *Habubank* nhưng không muộn hơn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của *Habubank*.
4. Kiểm toán viên của Tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự bất kỳ Đại Hội đồng Cổ đông nào và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại Hội đồng Cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của *Habubank* được thực hiện theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

MỤC XIX. - KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 84. Báo cáo và Kiểm soát Đặc biệt

1. Trong trường hợp *Habubank* có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, *Habubank* phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
2. *Habubank* có thể bị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
 - a. Có nguy cơ mất khả năng chi trả;
 - b. Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
 - c. Tổng số lỗ lũy kế của *Habubank* lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng số Vốn Điều Lệ thực có và các quỹ dự trữ.

3. Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, *Habubank* có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của *Habubank*.

Điều 85. Phá sản *Habubank*

Việc phá sản *Habubank* thực hiện theo quy định tại Điều 98 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và pháp luật về phá sản.

Điều 86. Giải thể *Habubank*

1. *Habubank* bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động *Habubank* theo quy định của pháp luật và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận;
 - b. Khi hết hạn hoạt động *Habubank* không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của *Habubank*.

Điều 87. Thanh lý *Habubank*

1. Trường hợp *Habubank* bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý *Habubank* được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 86 của Điều Lệ này, *Habubank* tiến hành thanh lý theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và pháp luật liên quan khác dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý *Habubank* do *Habubank* chịu.

MỤC XX. - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 88. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một có tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của *Habubank* hay tới quyền hay nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ hay liên quan đến Điều Lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông và *Habubank*;
 - b. Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người Quản lý của *Habubank*

các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng hai mươi mốt (21) ngày làm

việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng hai mươi một (21) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra *Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.*
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

MỤC XXI. - THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 89. Thông tin định kỳ

1. *Habubank* thông tin định kỳ cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại *Habubank*.
2. *Habubank* được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. *Habubank* có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với *Habubank*.

Điều 90. Nghĩa vụ bảo mật

1. *Cổ đông, Người Quản lý* và nhân viên của *Habubank* và những người có liên quan có nghĩa vụ bảo mật và không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của *Habubank* mà mình biết và không sử dụng các bí mật đó cho bất cứ mục đích nào ngoài mục đích phục vụ hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh của *Habubank*.
2. *Habubank* được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng và hoạt động của *Habubank*, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Điều 91. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ làm việc của Habubank là tiếng Việt. Các văn bản, tài liệu do Habubank thực hiện với cổ đông, Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của Habubank (bao gồm và không chỉ là nghị quyết, quyết định, biên bản, phiếu lấy ý kiến, thông báo, v.v) đều được làm bằng tiếng Việt. Nếu cần thiết các văn bản tài liệu của Habubank có thể được làm bằng tiếng Anh nhưng bản tiếng Anh đó chỉ có giá trị tham khảo.

MỤC XXII. - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 92. Ngày hiệu lực

Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y.